

Bản án số: 1122/2024/HS-PT
Ngày: 02 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh
Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 25 tháng 11 và 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 405/2024/TLPT- HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1, Nguyễn Thăng L, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Đ, Hòa Quang P, Trần Văn T, Trần Trinh C2, Lê Ngọc T1 do kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức D.** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1986, tại Hà Tĩnh. Nơi đăng ký HKTT: 801, đường C, ường "Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi cư trú: 847/7, đường C, ường "Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1953. Con bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1955; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba, có vợ Lê Như Phương A, sinh năm 1986, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không, bị bắt giữ từ ngày 22/10/2021, chuyển tạm giam từ ngày 31/10/2021, Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 04/11/2022, tại ngoại (có mặt)

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức D: Luật sư Đặng Thành T2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức C.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1961, tại Hà Tĩnh. Nơi cư trú: 1219, đường C, ường"Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học: 10/10. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn H, sinh năm 1930 (đã chết). Con bà Mạnh Thị V, sinh năm 1930 (đã chết). Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư, có vợ là Mai Thị D1, sinh năm 1966, có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không, bị bắt giữ từ ngày 22/10/2021, chuyển tạm giam từ ngày 31/10/2021, Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 04/11/2022, tại ngoại (có mặt).

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức C: Luật sư Đặng Thành T2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt)

3. Họ và tên: **Mai Thị D1.** Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1966, tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: 1219, đường C, ường"Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Mai Văn Đ1, sinh năm 1933 (đã chết). Con bà Trương Thị L3, sinh năm 1930 (đã chết). Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư, có chồng là Nguyễn Đức C, sinh năm 1961, có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không, bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2021, được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 04/11/2022, tại ngoại (có mặt)

Bào chữa cho bị cáo Mai Thị D1 có Luật sư Đặng Thành T2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thăng L.** Tên gọi khác: L, sinh ngày 18 tháng 08 năm 1966 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: 203, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH X. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1939 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1937. Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Có vợ Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1969, có 06 con, lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại (có mặt)

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thăng L có Luật sư Nguyễn Văn N1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Luật Lương Thị Bích Diệp, Lê Thị Bích C4, Đinh Thị T3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn C1.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1965 tại Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Số C, đường C, Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và con bà Cao Thị T4 (đã chết). Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 07 trong gia đình, có vợ Thái Thị L4, sinh năm 1965, có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm

1996. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam ở vụ án khác. Vắng mặt.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C1 có Luật sư Nguyễn Văn H2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 28 tháng 10 năm 1973, tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1950 và con bà Tạ Thị Đ2, sinh năm 1950. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, có vợ Nguyễn Thị T5, sinh năm 1973. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ có Luật sư Nguyễn Thị Huyền T6, Đặng Kim C5, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

7. Họ và tên: **Hòa Quang P.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1962, tại Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 10/10. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hòa Quang T7 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị C6, sinh năm 1922. Gia đình có 05 anh chị em bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Có vợ: Nguyễn Thị Á, sinh năm 1964 có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1991. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

8. Họ và tên: **Trần Văn T.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 01 tháng 9 năm 1987, tại Nam Định. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn N2, sinh năm 1963 và con bà Trần Thị N3, sinh năm 1966. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Có vợ Phan Thị H4, sinh năm 1993, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

9. Họ và tên: **Trần Trịnh C2.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1994, tại Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn H5, sinh năm 1969 và con bà Trịnh Thị T8, sinh năm 1971. Gia đình có 03 anh chị em bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, có vợ: Trương Thị Thùy D2, sinh năm 1994 có 01 con, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

Bào chữa cho bị cáo Trần Trịnh C2 có Luật sư Đào Quang D3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

10. Họ và tên: **Lê Ngọc T1.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 28 tháng 3 năm 1971, tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: BT03-29, Khu đô thị P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn

C7, đã chết và con bà Võ Thị Đ3, đã chết. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Có vợ Huỳnh Thị Thanh L5, sinh năm 1973. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Nội dung chính: Ngày 08/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra quyết định khởi tố vụ án “Buôn lậu; Sản xuất, buôn bán hàng giả; In phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, đưa hối lộ, nhận hối lộ” xảy ra tại tỉnh Đồng Nai và một số tỉnh, thành phố. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện bị cáo Nguyễn Thăng L, Giám đốc Công ty TNHH X, địa chỉ: B ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai còn tiêu thụ nguồn xăng không có hóa đơn, chứng từ do Mai Thị D1 - Giám đốc Công ty TNHH H10 tại TP . cung cấp.

Kết quả điều tra xác định: Công ty TNHH H10 (gọi tắt là Công ty H10) có trụ sở tại địa chỉ: A đường C, Phường A, TP V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có 02 thành viên góp vốn, gồm Nguyễn Đức C góp 40% vốn điều lệ và Mai Thị D1 (vợ C) góp 60% vốn điều lệ, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty và là người đại diện pháp luật của Công ty; ngành nghề kinh doanh: Mua bán xăng, dầu, vận tải xăng, dầu đường biển và đường bộ; cho thuê kho, bãi lưu giữ hàng hóa; thu gom, xử lý chất thải nguy hại; kinh doanh cảng biển, cho thuê cầu cảng và được Bộ C9 cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu số 300-TNPP/QĐ-BCT ngày 16/6/2020.

Ngày 29/6/2018, Nguyễn Đức C và Nguyễn Đức D (Cháu của Nguyễn Đức C) thành lập Công ty TNHH Đ5 (gọi tắt là Công ty Đ5) với mục đích tách các tài sản ra khỏi Công ty H10 để hoạt động riêng. Trong đó, Nguyễn Đức C sở hữu 80% vốn góp (tương đương 14,4 tỷ đồng), Nguyễn Đức D (cháu ruột của Nguyễn Đức C) sở hữu 20% vốn góp (tương đương 3,6 tỷ đồng) và giao cho Lê Hồng N4(Thuyền trưởng tàu Hà Anh 05) đứng tên làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty Đ5. Đến cuối năm 2018, C giao cho Nguyễn Duy T9 làm Giám đốc Công ty Đ5 thay cho Lê Hồng N4.

Năm 2018, Nguyễn Đức D biết một số đối tượng bán xăng, dầu không rõ nguồn gốc, không có hóa đơn, chứng từ với giá rẻ nên D đã nảy sinh ý định lợi dụng hoạt động kinh doanh xăng, dầu của Công ty H10 để thu mua xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ rồi bán lại cho các khách hàng của Công ty H10 để kiếm lời. Để thực hiện ý định trên, D bàn bạc với Nguyễn Đức C thì được C đồng

ý. Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 đồng ý cho Nguyễn Đức D sử dụng nhân viên, thuyền trưởng, thuyền viên và tàu biển của Công ty H10, Công ty Đ5 thực hiện việc mua xăng dầu không có hóa đơn, chứng từ và giao cho Lê Thị Thùy L6 (nhân viên kinh doanh xăng dầu của Công ty H10) thực hiện việc bán xăng dầu không xuất hóa đơn, chứng từ cho khách mua hàng, không ghi chép đưa vào sổ sách kế toán của Công ty H10 nhằm mục đích trốn thuế.

Kết quả điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Nhóm bị cáo trực tiếp mua, bán xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ và giúp sức cho hành vi trốn thuế:

1.1. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức D:

Nguyễn Đức D là người nảy sinh ý định kinh doanh mua, bán xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, không nộp thuế cho Nhà nước. Cá nhân Nguyễn Đức D không phải là chủ thể được phép kinh doanh xăng, dầu, nhưng sau khi bàn bạc và được Nguyễn Đức C, Mai Thị D1 đồng ý, Nguyễn Đức D đã điều động các tàu biển của Công ty Đ5 đi ra biển theo hướng phao số 0 biển Vũng Tàu thuộc vùng biển Việt Nam để mua xăng, dầu của các tàu (Chưa xác định rõ quốc tịch, số hiệu). Trong khoảng thời gian từ ngày 06/7/2020 đến ngày 08/10/2021, Nguyễn Đức D đã mua tổng cộng 7.426.500 lít xăng và 2.158.000 lít dầu DO của các tàu, không có hóa đơn, chứng từ nhập vào kho xăng dầu của Công ty TNHH H10. Mai Thị D1 chỉ đạo Lê Thị Thùy L6 xuất bán hết số xăng, dầu nêu trên, không xuất hóa đơn, chứng từ khi bán hàng, không ghi chép vào sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước.

Kết luận giám định tư pháp số 10805/KL-CTDON ngày 05/9/2022 của Giám định viên tư pháp Cục thuế tỉnh Đ xác định: Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty TNHH H10 là **15.119.809.091 đồng** (Mười lăm tỉ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng). (Bút lục 3130-3131).

Trên cơ sở các thiết bị định vị, thiết bị điện tử thu giữ tại các tàu Hà Anh 01, 02, 05 và 09, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tiến hành trưng cầu giám định để xác định tọa độ các điểm hành trình di chuyển. Kết luận giám định số 8379/C09-P6 ngày 25/11/2021 của V1 Bộ C10 kết luận: “*Không tìm thấy các điểm có tọa độ lưu trữ trong các thiết bị gửi giám định. Không đọc được dữ liệu từ thiết bị do hiện tại không kết nối được với thiết bị ngoại vi*”. Kết luận giám định số 582/KL-KTHS ngày 05/7/2022 của V1 Bộ C10 kết luận: “*Không xác định được thời điểm các tàu Hà Anh 01, 02, 05 và 09 đến các điểm có tọa độ lưu trữ trong các thiết bị gửi giám định*”.

1.2. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức C:

Công ty TNHH H10 do Mai Thị D1 là Giám đốc, đại diện theo pháp luật, Nguyễn Đức C là thành viên góp vốn và có tham gia điều hành, quản lý hoạt động của Công ty. Khi Nguyễn Đức D bàn bạc với Chuyên ý định thu mua xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ nhập vào Công ty H10 để xuất bán thì Nguyễn Đức

C đã đồng ý cho Nguyễn Đức D thực hiện và sử dụng các tàu biển của Công ty Đ5 vào việc thu mua xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ trên biển. Nguyễn Đức D có nhiệm vụ tìm kiếm nguồn hàng, báo lại cho C biết, khi được C đồng ý thì D mới được điều động các tàu biển của Công ty Đ5 đi thu mua, nhập vào Kho xăng dầu của Công ty H10. Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 giao cho Lê Thị Thùy L6 nhiệm vụ xuất bán xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ.

Kết luận giám định tư pháp số 10805/KL-CTDON ngày 05/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ xác định: Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty TNHH H10 là **15.119.809.091 đồng** (*Mười lăm tỉ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng*). (Bút lục 3130-3131).

Quá trình điều tra lúc đầu bị cáo Nguyễn Đức C khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên đến ngày 26/8/2022, bị cáo C gửi đơn yêu cầu được làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra. Tại buổi làm việc, bị cáo Nguyễn Đức C thay đổi lời khai, phủ nhận hành vi phạm tội, cụ thể bị cáo khai: Không mua, bán xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ; không chỉ đạo việc mua bán xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ; không hưởng lợi từ việc kinh doanh xăng dầu không có hóa đơn, chứng từ; không biết nhân sự các tàu Hà Anh 01, 02, 05, 09; không biết công việc của các thuyền viên; không biết lương, thưởng của các thuyền viên. Nguyên nhân trước đây bị cáo khai báo, thừa nhận các hành vi vi phạm pháp luật là do bị cáo muốn nhận tội thay cho bị cáo Mai Thị D1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Việc bị cáo Nguyễn Đức C thay đổi lời khai như trên là không có cơ sở, kết quả điều tra có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của Nguyễn Đức C như đã nêu trên.

1.3. Hành vi của bị cáo Mai Thị D1

Với vai trò là Giám đốc Công ty TNHH H10, Mai Thị D1 cùng chồng là Nguyễn Đức C đồng ý cho Nguyễn Đức D sử dụng kho xăng dầu của Công ty H10 để thu mua, tích trữ xăng dầu không có hóa đơn, chứng từ; sử dụng nhân viên quản lý kho là Tống Tất T10, Trần Hoàng D4, nhân viên bán hàng Lê Thị Thùy L6 vào việc kinh doanh xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ. Ngoài ra, Mai Thị D1 còn cho Nguyễn Đức D ứng trước tiền của Công ty H10 để đi mua xăng, dầu không có hóa đơn. Sau khi bán, Mai Thị D1 thu lại tiền vốn đã ứng cho Nguyễn Đức D, một phần tiền lời, Mai Thị D1 sử dụng chi trả lương cho các nhân viên của Công ty Đ5, phần tiền lời còn lại, Nguyễn Đức C sử dụng.

Căn cứ tài liệu thu thập được, đủ chứng cứ xác định: Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 08/10/2021, Mai Thị D1 và Nguyễn Đức C đã đồng ý cho Nguyễn Đức D sử dụng các tàu biển H, H 02, H, H 09 lén lút rời cảng vào ban đêm, ra khu vực ngoài “phao số 0” vùng biển Vũng Tàu thu mua 7.426.500 lít xăng và 2.158.000 lít dầu DO không có hóa đơn chứng từ nhập vào kho xăng dầu của Công ty H10. Sau đó D chỉ đạo Lê Thị Thùy L6 chào mời, bán lại toàn bộ số lượng xăng, dầu trên cho: Nguyễn Thăng L, Nguyễn Văn C1, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1 và một số khách hàng khác (Chưa rõ lai lịch), không xuất hóa đơn, chứng từ, không ghi

chép vào sổ sách kế toán của Công ty TNHH H10.

Kết luận giám định tư pháp số 10805/KL-CTDON ngày 05/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ xác định: Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước là **15.119.809.091 đồng**(Mười lăm tỉ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng).

1.4. Hành vi của bị cáo Lê Thị Thùy L6.

Lê Thị Thùy L6 là kế toán của Công ty H10, được phân công phụ trách công việc kinh doanh xăng, dầu của Công ty. Mai Thị D1 nói cho L6 biết việc Công ty có nguồn xăng, dầu nhập về không có hóa đơn chứng từ và yêu cầu L6 chào mời khách hàng, bán lượng xăng, dầu này với giá rẻ hơn giá thông thường, không xuất hóa đơn, chứng từ cho khách hàng. L6 biết rõ việc kinh doanh xăng, dầu không xuất hóa đơn, chứng từ là trái quy định pháp luật, nhưng do muốn có việc làm và thu nhập, L6 đồng ý thực hiện theo chỉ đạo của Mai Thị D1.

Kết quả điều tra đã xác định, từ ngày 06/7/2020 đến ngày 08/10/2021, Nguyễn Đức D đã nhập vào kho Công ty H10 7.426.500 lít xăng lậu và 2.158.000 lít dầu DO, không có hóa đơn, chứng từ và được Lê Thị Thùy L6 xuất bán hết số lượng xăng, dầu nêu trên cho các khách hàng, không xuất hóa đơn, chứng từ, không ghi chép vào sổ sách kế toán Công ty TNHH H10. Kết luận giám định tư pháp số 10805/KL-CTDON ngày 05/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ xác định: Thuế giá trị gia tăng Công ty TNHH H10 còn phải nộp ngân sách Nhà nước là **15.119.809.091 đồng**(Mười lăm tỉ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng).

1.5. Hành vi của bị cáo Tống Tất T10.

Tống Tất T10 được Nguyễn Đức C nhận vào làm nhân viên quản lý kho xăng dầu của Công ty H10 từ năm 2008, thực hiện công việc nhập xăng, dầu vào kho và xuất xăng, dầu bán cho khách hàng. Ngoài T10 còn có Trần Hoàng D4 làm quản lý kho. T10 và D4 thay phiên nhau trực, mỗi người trực 01 ngày tại kho để xuất nhập xăng, dầu. Khi bàn giao ca, D4 và T10 lập bảng kê số lượng xăng, dầu nhập, xuất trong ngày, số lượng xăng, dầu tồn kho lúc bàn giao để gửi về cho Lê Thị Thùy L6 theo dõi.

Quá trình làm việc, Tống Tất T10 biết rõ xăng, dầu bất hợp pháp, do các tàu biển của Công ty H10 (sau này đổi tên thành các tàu Hà Anh 01, H 02, H, H) đi nhận về vào ban đêm, khi bàn giao xăng dầu cho kho, T10 phải đo lại khối lượng, lấy mẫu xăng, dầu kiểm tra chất lượng, chủng loại, báo cáo kết quả cho Nguyễn Đức C và Mai Thị D1. Khi nào được C cho phép thì mới tiến hành bơm vào bồn chứa trong kho xăng, dầu để xuất bán. Ngoài ra, T10 được Nguyễn Đức D giao tiền mặt, đi theo các tàu Hà Anh 01, H 02, H, H 09 rời cảng vào chập tối, ra khu vực ngoài “phao số 0” vùng biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lạ để mua xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ thanh toán bằng hình thức trả tiền mặt rồi vận chuyển xăng, dầu về kho của Công ty H10 ngay trong đêm.

Đối với việc xuất bán xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, T10 thực hiện

giao xăng, dầu cho khách hàng theo yêu cầu của kế toán Lê Thị Thùy L6. Ngoài ra, T10 còn khai nhận, có nhiều lần kiểm tra chất lượng xăng không đạt độ Ron, T10 báo cho Nguyễn Đức C, Mai Thị D1 mua hóa chất pha thêm vào xăng để kích R rồi mới bơm chung vào kho xăng dầu để bán cho khách hàng. Tổng Tất T10 phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1 trốn thuế với số tiền **15.119.809.091 đồng** (*Mười lăm tỉ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng*). Quá trình điều tra không thu được mẫu xăng, dầu để giám định nên không có căn cứ để điều tra, xử lý các bị cáo về tội phạm khác.

1.6. Hành vi của bị cáo Trần Hoàng D4.

Trần Hoàng D4 được Nguyễn Đức C nhận vào làm quản lý và xuất nhập xăng dầu tại kho của Công ty H10. Trong quá trình làm việc, D4 biết Công ty H10 có nhập xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ do các tàu Hà Anh 01, H 02, H, H 09 ra biển nhận về vào ban đêm (*từ khoảng 22 giờ đến khoảng 05 giờ sáng hôm sau*).

Khi tàu Hà Anh 01, H, H, H 09 chở xăng, dầu về cảng của Công ty H10, D4 cùng thuyền trưởng hoặc chỉ huy của tàu đo khối lượng để giao nhận tại tàu, sau đó D4 lấy mẫu xăng, dầu kiểm tra chủng loại báo lại cho Nguyễn Đức C biết. Nếu kết quả kiểm tra chưa đủ độ R, D4 sẽ cùng với Nguyễn Đức C, Tổng Tất T10 pha thêm hóa chất vào xăng, dầu rồi bơm chung với xăng, dầu được nhập từ các nguồn hợp pháp để bán ra thị trường. Trần Hoàng D4 phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1 trốn thuế với số tiền **15.119.809.091 đồng** (*Mười lăm tỉ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng*).

1.7 Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy T9.

Nguyễn Duy T9 được tuyển dụng vào làm thủy thủ tàu biển cho công ty H10 từ năm 2007. Đến năm 2018, Nguyễn Đức C tách đội tàu biển của Công ty H10 để thành lập Công ty Đ5. Lúc này Nguyễn Đức C và Nguyễn Đức D để T9 đứng tên làm giám đốc công ty Đ5, D nói với T9 “Làm giám đốc cũng không có gì đâu, chủ vẫn làm quản lý ở tàu Mỹ Nam 01 (tàu chở chất thải của Công ty H10), lâu lâu công ty gọi lên ký giấy tờ hợp đồng bến bãi, cho thuê tàu thì chú ký”. Thấy công việc cũng đơn giản nên T9 đồng ý làm giám đốc Công ty Đ5. Trong quá trình làm việc, T9 biết Nguyễn Đức D trực tiếp điều động các tàu của Công ty Đ5 gồm: T20 01, tàu V96 (*sau đổi tên thành H11 02*), tàu Hà Anh 05, tàu Hà Anh 09 nhiều lần lên lút ra biển vào ban đêm để thu mua, vận chuyển xăng dầu nhưng không ký các giấy tờ, làm thủ tục ra vào cảng. Khi tàu về cảng, T9 nhìn độ cao tàu nổi trên mặt nước thì nhận biết được trong các hầm hàng trên tàu có chứa xăng, dầu. Toan hỏi thuyền trưởng, thuyền viên trên tàu thì được biết tàu ra biển vào ban đêm, qua khỏi phao số 0 khoảng 10 đến 15 hải lý để nhận xăng, dầu chở về cảng H. Toan nhận thức được việc làm trên là vi phạm pháp luật nhưng do được Nguyễn Đức D trả thêm tiền lương làm Giám đốc nên T9 tiếp tục làm Giám đốc cho Công ty Đ5. Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 08/10/2021, T9 đã để cho

Nguyễn Đức D điều động các tàu biển H, V, H, H, H 09 lên lút ra biển vào ban đêm, ra khu vực ngoài “Phao số 0” vùng biển Vũng Tàu thu mua xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ nhập về kho xăng dầu của Công ty H10 với tổng khối lượng 7.426.500 lít xăng và 2.158.000 lít dầu. Với vai trò là Giám đốc Công ty Đ5, T9 biết rõ Nguyễn Đức D điều động các tàu biển của Công ty Đ5 rời cảng, đi mua xăng, dầu trái pháp luật nhưng vẫn đồng tình để D điều động các tàu biển của Công ty Đ5 vào hoạt động kinh doanh xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước. Nguyễn Duy T9 phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1 trốn thuế với số tiền **15.119.809.091 đồng**(Mười lăm tỉ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng).

1.8 Hành vi của bị cáo Hoàng Phi T11.

Hoàng Phi T11 làm thuyền trưởng tàu Hà Anh 01 từ năm 2018, trong quá trình làm thuyền trưởng tàu Hà Anh 01, Hoàng Phi T11 đã nhiều lần được Nguyễn Đức D chỉ đạo vận hành tàu Hà Anh 01 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu khoảng 7 đến 10 hải lý, cập mạn tàu lớn (không rõ lai lịch) để nhận xăng dầu, không có hóa đơn, chứng từ với tổng khối lượng 1.720.700 lít xăng và 699.200 lít dầu DO.

Kết luận giám định tư pháp số 10805/KL-CTDON ngày 05/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ xác định: Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước (đối với tàu Hà Anh 01) là **3.688.758.545 đồng**(ba tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm bốn mươi lăm đồng).

1.9. Hành vi của bị cáo Trần Ngọc T12.

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/4/2021 đến ngày 22/9/2021, Trần Ngọc T12 làm Đại phó tàu Hà Anh 01, luôn có mặt trên tàu khi tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, có nhiều lần T12 theo tàu Hà Anh 01 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn (không rõ lai lịch) nhận xăng, dầu, không có hóa đơn, chứng từ với tổng khối lượng 1.720.700 lít xăng và 699.200 lít dầu DO. Mỗi chuyến, T12 được Nguyễn Đức D trả thêm tiền công từ 450.000 đồng đến 750.000 đồng. Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 01, T12 nhận thức được việc thuyền trưởng Hoàng Phi T11 cho tàu Hà Anh 01 rời cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép nhưng T12 đã tham gia các chuyến tàu vận chuyển xăng dầu không có hóa đơn, chứng từ. Kết luận giám định tư pháp số 10805/KL-CTDON ngày 05/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ xác định: Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước (đối với tàu Hà Anh 01) là **3.688.758.545 đồng**(ba tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm bốn năm đồng).

1.10. Hành vi của bị cáo Phan Quang L7.

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/4/2021 đến ngày 22/9/2021, Phan Quang

L7 làm sỹ quan máy tàu Hà Anh 01, luôn có mặt trên tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, có nhiều lần L7 theo tàu Hà Anh 01 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lớn (*không rõ lai lịch*) nhận xăng, dầu, không có hóa đơn, chứng từ với tổng khối lượng 1.720.700 lít xăng và 699.200 lít dầu DO. Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 01, L7 nhận thức được việc thuyền trưởng Hoàng Phi T11 cho tàu Hà Anh 01 rời cảng, cặp mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép nhưng L7 vẫn tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1 thực hiện hành vi trốn thuế số tiền **3.688.758.545 đồng** (*ba tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm bốn năm đồng*).

1.11 Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn G.

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/4/2021 đến ngày 22/9/2021, Nguyễn Văn G làm thợ máy tàu Hà Anh 01, luôn có mặt trên tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó có nhiều lần G theo tàu Hà Anh 01 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lớn (*không rõ lai lịch*) nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ với tổng khối lượng 1.720.700 lít xăng và 699.200 lít dầu DO. Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 01, G nhận thức được việc thuyền trưởng Hoàng Phi T11 cho tàu Hà Anh 01 rời cảng, cặp mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép nhưng G vẫn tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1 thực hiện hành vi trốn thuế số tiền **3.688.758.545 đồng** (*ba tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm bốn năm đồng*).

1.12. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc H6.

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/02/2022 đến ngày 24/9/2021, Trần Ngọc H6 làm thuyền trưởng tàu V96 (sau đó tàu này đổi tên là tàu Hà Anh 02), H6 luôn có mặt trên tàu khi tàu đi làm nhiệm vụ vận chuyển xăng, dầu. Có nhiều lần, H6 được Nguyễn Đức D chỉ đạo vận hành tàu V96 (H 02) lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu khoảng 10 hải lý, cặp mạn tàu lớn để nhận xăng dầu, không có hóa đơn, chứng từ về nhập vào kho của Công ty H10.

Kết quả điều tra đã xác định:

+ Ngày 06/02/2021, tàu Hà Anh 02 nhập 158.000 lít xăng A92 vào kho của Công ty H10, Công ty H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

+ Từ ngày 20/4/2021 đến ngày 24/9/2021, tàu Hà Anh 02 nhập xăng dầu 11 lần vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng là 911.900 lít xăng, 245.000 lít dầu DO, Công ty H10 cũng không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

Kết luận giám định tư pháp số 10805/KL-CTDON ngày 05/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ xác định: Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước (*đối với tàu V96 và Hà A1 02*) là **2.265.204.819 đồng** (*hai*

tỷ, hai trăm sáu lăm triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, tám trăm mười chín đồng).

1.13. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc H7.

Từ tháng 4/2020 đến tháng 3/2021, Lê Ngọc H7 làm Đại phó trên tàu Hà Anh 09, luôn có mặt trên tàu khi tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, có nhiều lần H7 theo tàu Hà Anh 09 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lớn nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ vận chuyển về nhập vào kho Công ty TNHH H10. Từ tháng 4/2021 đến tháng 8/2021, H7 làm Đại phó trên tàu Hà Anh 02, trong thời gian làm việc trên tàu này, H7 luôn có mặt trên tàu khi tàu đi làm nhiệm vụ vận chuyển xăng, dầu, trong đó có nhiều lần H7 theo tàu Hà Anh 02 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lớn nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Kết quả điều tra đã xác định:

+ Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 09/02/2021, tàu Hà Anh 09 có 03 lần nhập xăng, dầu vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng 1.278.000 lít xăng. Công ty TNHH H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

+ Từ ngày 20/4/2021 đến ngày 15/8/2021, tàu Hà Anh 02 nhập xăng dầu 08 lần vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng là 724.400 lít xăng, 111.700 lít dầu DO. Số lượng xăng, dầu này Công ty H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 09 và H 02, H7 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cặp mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép, nhưng H7 vẫn tham gia các chuyến vận chuyển xăng dầu không có hóa đơn, chứng từ với tổng khối lượng là 2.002.400 lít xăng và 111.700 lít dầu DO, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số tiền **3.260.968.364***(ba tỷ, hai trăm sáu mươi triệu, chín trăm sáu tám ngàn, ba trăm sáu tư đồng).*

1.14. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn H8.

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/02/2021 đến ngày 24/9/2021, Trần Văn H8 làm Thủy thủ tàu V96 (sau này đổi tên là tàu Hà Anh 02), H8 luôn có mặt trên tàu khi tàu đi làm nhiệm vụ vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, H8 nhiều lần theo tàu V96 (H 02) lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lớn *(không rõ lai lịch)* nhận xăng, dầu, không có hóa đơn, chứng từ, vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, xác định:

+ Ngày 06/02/2021, tàu Hà Anh 02 nhập 158.000 lít xăng A92 vào kho của Công ty H10, Công ty H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

+ Từ ngày 20/4/2021 đến ngày 24/9/2021, tàu Hà Anh 02 nhập xăng, dầu 11 lần vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng là 911.900 lít xăng, 245.000 lít dầu DO, Công ty H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 02, H8 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép H8 vẫn đã tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số tiền **2.265.204.819 đồng** (*Hai tỉ hai trăm sáu mươi lăm triệu hai tám lẻ bốn ngàn tám trăm mười chín đồng*).

1.15. Hành vi phạm tội của Mạnh Xuân T13.

Từ tháng 4/2020 đến tháng 3/2021, Mạnh Xuân T13 làm máy trưởng trên tàu Hà Anh 09, luôn có mặt trên tàu khi tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó T13 nhiều lần theo tàu Hà Anh 09 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10. Từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2021, T13 làm máy trưởng trên tàu Hà Anh 02 và luôn có mặt trên tàu khi tàu vận chuyển xăng, dầu, trong đó có nhiều lần Trường theo tàu Hà Anh 02 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Kết quả điều tra đã xác định:

+ Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 09/02/2021, tàu Hà Anh 09 có 03 lần nhập xăng, dầu vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng 1.278.000 lít xăng, Công ty TNHH H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

+ Từ ngày 20/4/2021 đến ngày 24/9/2021, tàu Hà Anh 02 nhập xăng dầu 11 lần vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng là 911.900 lít xăng, 245.000 lít dầu DO, Công ty H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào đối với số lượng xăng, dầu này.

Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 09 và tàu Hà Anh 02, Mạnh Xuân T13 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, vào cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép nhưng T13 vẫn tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, với tổng khối lượng là 2.189.900 lít xăng và 245.000 lít dầu DO, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số tiền **3.821.433.001** (*ba tỉ, tám trăm hai một triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, lẻ một đồng*).

1.16. Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Hữu L8.

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/02/2021 đến ngày 24/9/2021, Phan Hữu L8 làm thợ máy tàu V96 (sau này đổi tên là tàu Hà Anh 02). L8 luôn có mặt trên tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, có nhiều lần L8 theo tàu Hà Anh 02 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn (*không rõ lai lịch*) nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Kết quả điều tra đã xác định:

+ Ngày 06/02/2021, tàu Hà Anh 02 nhập 158.000 lít xăng A92 vào kho của Công ty H10. Số lượng xăng này, Công ty H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

+ Từ ngày 20/4/2021 đến ngày 24/9/2021, tàu Hà Anh 02 nhập xăng dầu 11 lần vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng là 911.900 lít xăng, 245.000 lít dầu DO, Công ty H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào.

Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 02, L8 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép, L8 vẫn tham gia thực hiện các chuyển vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn. Chứng từ với tổng khối lượng là 1.069.900 lít xăng và 245.000 lít dầu DO, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số tiền **2.265.204.819 đồng**(*hai tỷ, hai trăm sáu lăm triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, tám trăm mười chín đồng*).

1.17. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thái D5.

Từ tháng 10/2018 đến hết tháng 3/2021, Lê Thái D5 làm máy trưởng tàu V96 (Sau đổi tên tàu Hà Anh 02), luôn có mặt trên tàu khi tàu vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, có nhiều lần D5 theo tàu V96 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Lê Thái D5 khai trong khoảng thời gian làm việc trên tàu Hà Anh 02, mỗi tháng tàu này lên lút đi nhận xăng, dầu không có hóa đơn từ 01 đến 02 chuyến. Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ thu giữ được tài liệu xác định tàu V96 nhập 158.000 lít xăng A92 vào kho của Công ty H10 vào ngày 06/02/2021. Các lần đi nhận xăng, dầu khác không có hóa đơn chứng từ của tàu V96, do không thu giữ được tài liệu nên không có cơ sở để xác định. Từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2021, D5 được chuyển sang làm máy trưởng tàu Hà Anh 09, thời gian này, tàu Hà Anh 09 đang sửa chữa, không đi nhận xăng, dầu.

Quá trình làm việc trên tàu V96, D5 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép D5 vẫn tham gia thực hiện chuyển vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ trên tàu V96 với số lượng 158.000 lít xăng, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số **234.127.273 đồng**(*hai trăm ba mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi ba đồng*).

1.18. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Hồng N4.

Từ ngày 28/12/2020 đến ngày 08/10/2021, Lê Hồng N4 làm thuyền trưởng tàu Hà Anh 05, nhiều lần được Nguyễn Đức D chỉ đạo vận hành tàu Hà Anh 05 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn (*Không rõ lai lịch, người trên tàu không nói tiếng Việt Nam, N4 đoán là ngôn ngữ của một quốc gia Đ6 nhưng không xác định được là ngôn ngữ của quốc gia nào*) để nhận xăng dầu không có hóa đơn, chứng từ, vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Kết quả điều tra đã xác định:

Từ ngày 28/12/2020 đến ngày 08/10/2021, tàu Hà Anh 05 nhập xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ 14 lần vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng là 3.357.900 lít xăng, 1.213.800 lít dầu DO, Công ty H10 không cung cấp được hóa đơn đầu vào. Lê Hồng N4 đã giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 thực hiện hành vi trốn thuế số tiền **7.375.490.273** đồng (*bảy tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi ngàn, hai trăm bảy ba đồng*).

1.19. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Huy B1.

Từ ngày 28/12/2020 đến ngày 08/10/2021, Trần Huy B1 làm thợ máy trên tàu Hà Anh 05 và luôn có mặt trên tàu khi tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, có nhiều lần B1 theo tàu Hà Anh 05 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lớn (*không rõ lai lịch*) nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10. Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 05, B1 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cặp mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép B1 vẫn tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ với tổng khối lượng là 3.357.900 lít xăng, 1.213.800 lít dầu DO, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 thực hiện hành vi trốn thuế số tiền **7.375.490.273** đồng (*bảy tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi ngàn, hai trăm bảy ba đồng*).

1.20. Hành vi phạm tội của bị cáo Hồ Văn T14.

Từ ngày 28/12/2020 đến ngày 08/10/2021, Hồ Văn T14 làm thợ máy tàu Hà Anh 05 (trừ thời gian từ ngày 12/02/2021 đến cuối tháng 5/2021, T14 bị ngã gãy chân nên không đi làm). Trong thời gian làm việc T14 luôn có mặt trên tàu khi tàu vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, có nhiều lần Thiên theo tàu Hà Anh 05 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lớn (*không rõ lai lịch, người trên tàu nói ngôn ngữ nước ngoài, không phải ngôn ngữ Việt Nam*) nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10. Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 05, T14 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cặp mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép, T14 vẫn tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ với tổng khối lượng là 1.643.400 lít xăng, 355.100 lít dầu DO, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số tiền **3.504.275.455** đồng (*ba tỷ, năm trăm lẻ bốn triệu, hai trăm bảy lăm ngàn, bốn trăm năm mươi lăm đồng*).

1.21. Hành vi phạm tội của Đoàn Minh T15.

Từ ngày 28/12/2020 đến ngày 08/10/2021, Đoàn Minh T15 làm máy trưởng trên tàu Hà Anh 05 và luôn có mặt trên tàu khi tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, có nhiều lần T15 theo tàu Hà Anh 05 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cặp mạn tàu lớn (*không rõ lai lịch*) nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 05, T15 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép T15 vẫn tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ với tổng khối lượng là 3.357.900 lít xăng, 1.213.800 lít dầu DO, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số tiền **7.375.490.273** đồng (*bảy tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi ngàn, hai trăm bảy ba đồng*).

1.22. Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Đình Q.

Từ ngày 28/12/2020 đến ngày 08/10/2021, Hoàng Đình Q làm Thủy thủ trên tàu Hà Anh 05 và luôn có mặt trên tàu khi tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, Q đã nhiều lần theo tàu Hà Anh 05 lên lút rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn (*không rõ lai lịch*) nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 05, Q biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép Q vẫn tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ với tổng khối lượng là 3.357.900 lít xăng, 1.213.800 lít dầu DO, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số tiền **7.375.490.273** đồng (*bảy tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi ngàn, hai trăm bảy ba đồng*).

1.23. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Trung K.

Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 09/02/2021, Nguyễn Trung K làm thuyền trưởng tàu Hà Anh 09, nhiều lần được Nguyễn Đức D chỉ đạo vận hành tàu Hà Anh 09 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn (*Không rõ lai lịch*) để nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10. Kết quả điều tra xác định: Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 09/02/2021, tàu Hà Anh 09 có 03 lần nhập xăng không có hóa đơn, chứng từ vào kho Công ty H10 với tổng khối lượng 1.278.000 lít xăng, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1 trốn thuế số tiền 1.790.355.455 đồng.

1.24. Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Đăng T16.

Từ năm 2018 đến hết tháng 3/2021, Hoàng Đăng T16 làm Thủy thủ tàu V96 (Sau đổi tên tàu Hà Anh 2) và luôn có mặt trên tàu khi tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, T16 đã nhiều lần theo tàu V96 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu, cập mạn tàu lớn nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10.

Quá trình điều tra Hoàng Đăng T16 khai: Trung bình mỗi tháng tàu V96 lên lút đi nhận xăng dầu, không có hóa đơn, chứng từ khoảng 3 - 4 lần, liên tục từ cuối năm 2018 đến đầu năm 2021. Tàu giao xăng, dầu là tàu nước ngoài, khi tàu ra đến điểm hẹn trên biển, thuyền trưởng Trần Ngọc H6 liên hệ tàu giao hàng bằng bộ đàm, sau khi trao đổi với bên giao hàng, H6 nói lại cho các thuyền viên biết là

“đợi đến đêm tàu nước ngoài mới đến”.

Kết quả điều tra chỉ thu giữ được tài liệu xác định: Ngày 06/02/2021, tàu Hà Anh 2 nhập 158.000 lít xăng A92 không có hóa đơn, chứng từ vào kho của Công ty H10. Các lần tàu V96 đi nhận xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ theo lời khai của T16, quá trình điều tra do không thu giữ được tài liệu chứng minh nên không có cơ sở để xác định. Từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2021, T16 được chuyển qua làm Thủy thủ tàu H 09, thời gian này, tàu đang sửa chữa, không đi nhận xăng, dầu.

Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 02, T16 biết việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép T16 vẫn tham gia thực hiện 01 chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ với số lượng 158.000 lít xăng, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 thực hiện hành vi trốn thuế số tiền **234.127.273 đồng**(hai trăm ba mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi ba đồng).

1.25. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn P1.

Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 09/02/2021, Trần Văn P1 làm Thủy thủ trên tàu Hà Anh 09 và luôn có mặt trên tàu khi tàu đi vận chuyển xăng, dầu. Trong đó, P1 đã nhiều lần theo tàu Hà Anh 09 lên rời cảng vào ban đêm, đi ra biển, qua khỏi phao số 0 vùng biển Vũng Tàu khoảng 30 hải lý, cập mạn tàu lớn (không rõ lai lịch) nhận xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ vận chuyển về nhập vào kho Công ty H10. Quá trình làm việc trên tàu Hà Anh 09, P1 nhận thức được việc thuyền trưởng cho tàu rời cảng, cập mạn với tàu, thuyền khác trên biển, chuyển tải, sang mạn xăng, dầu trái phép P1 vẫn tham gia thực hiện các chuyến vận chuyển xăng, dầu không có hóa đơn chứng từ với tổng khối lượng là 1.278.000 lít xăng, giúp sức cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 trốn thuế số tiền **1.790.355.455 đồng**(một tỷ, bảy trăm chín mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi lăm đồng).

2. Đối với nhóm bị cáo trực tiếp mua xăng không có hóa đơn, chứng từ của Công ty TNHH H10.

2.1. Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thăng L:

Nguyễn Thăng L là Giám đốc Công ty TNHH X, địa chỉ: B ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình kinh doanh xăng, dầu, Nguyễn Thăng L có ký hợp đồng mua xăng, dầu của Công ty H10. Khoảng năm 2019, L được Lê Thị Thùy L6 mời mua xăng không có hóa đơn với giá rẻ hơn giá thị trường L đồng ý. L giao cho kế toán của Công ty X là Nguyễn Cao Ngọc T17 trực tiếp liên lạc với Lê Thị Thùy L6 để đặt hàng, chuyển tiền thanh toán, giao cho lái xe Phạm Đ4 điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 60C-279.76 kéo theo sơ mi rơ móc xi téc biển số 60R-019.45 đến Công ty H10 nhận xăng. Mỗi lần mua xăng không có hóa đơn của Công ty H10, Nguyễn Cao Ngọc T17 đều ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh xăng, dầu hàng tháng gửi cho L theo dõi. Việc mua bán xăng giữa Công ty

H10 và Công ty TNHH X và tiêu thụ ra thị trường đều không có hóa đơn, chứng từ, không được ghi chép vào sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước.

Ngày 06/02/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ khám xét chỗ ở của Nguyễn Thăng L, thu giữ 05 tập báo cáo kết quả kinh doanh từ tháng 9/2020 đến tháng 01/2021. Căn cứ số liệu trong 05 tập báo cáo, kết quả trích xuất dữ liệu máy tính của Nguyễn Cao Ngọc T17, kết quả rà soát các bảng kê xuất nhập xăng, dầu thu được tại nhà Lê Thị Thùy L6, xác định:

- Tháng 7/2020, Nguyễn Thăng L mua 320.000 lít xăng Ron 95 không có hóa đơn của Công ty H10;

- Tháng 8/2020, Nguyễn Thăng L mua 40.000 lít xăng Ron 95 không có hóa đơn của Công ty H10;

- Tháng 9/2020, Nguyễn Thăng L mua 22.000 lít xăng Ron 95 không có hóa đơn của Công ty H10;

- Tháng 10/2020, Nguyễn Thăng L mua 270.000 lít xăng Ron 95 không có hóa đơn của Công ty H10.

- Tháng 11/2020, Nguyễn Thăng L mua 80.000 lít xăng Ron 95 không có hóa đơn của Công ty H10;

- Kết luận giám định số 11525/KL-CTDON ngày 30/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ, xác định:

- + Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước đối với Nguyễn Thăng L là **940.778.182 đồng**(chín trăm bốn mươi triệu, bảy trăm bảy mươi tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng).

2.2. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C1:

Năm 2008, Nguyễn Văn C1, thành lập Công ty TNHH MTV P2 có trụ sở tại địa chỉ: A H, phường P, TP ., tỉnh Bình Dương; ngành nghề kinh doanh bán lẻ xăng, dầu. Khoảng giữa năm 2019, do thị trường xăng dầu không ổn định, thiếu nguồn xăng trên thị trường nên C1 ký hợp đồng với Công ty H10 để nhập xăng về bán. Việc mua bán xăng giữa Công ty H10 và Công ty TNHH MTV P2 và tiêu thụ ra thị trường đều không có hóa đơn, chứng từ, không được ghi chép vào sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước.

Kết quả điều tra đã xác định:

Ngoài ra, Nguyễn Văn C1 còn giới thiệu cho các khách hàng đại lý của C1 gồm: Nguyễn Văn Đ, Hòa Quang P, Trần Văn T biết ở Công ty H10 có bán xăng, để những người này liên hệ mua.

- Kết luận giám định số 11525/KL-CTDON ngày 30/9/2022 của Giám định viên tư pháp Cục thuế tỉnh Đ, xác định:

- Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước đối với Nguyễn Văn C1 là **230.532.727 đồng**(Hai trăm ba mươi triệu, năm trăm ba mươi hai ngàn, bảy trăm hai mươi bảy đồng).

2.3. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ:

Năm 2009, Nguyễn Văn Đ, thành lập Doanh nghiệp tư nhân Q1 tại địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông, chuyên kinh doanh bán lẻ xăng dầu do Đ đứng tên chủ doanh nghiệp. Doanh nghiệp Quyết Độ có 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu gồm “Cây xăng Quyết Độ 01” và “Cây xăng Quyết Độ 02”. Đến năm 2017, Đ thay đổi loại hình kinh doanh, đổi tên thành Công ty TNHH MTV X1. Nguồn xăng, dầu bán lẻ do Đ ký hợp đồng mua của thương nhân phân phối là Công ty TNHH MTV P2, địa chỉ: A H, phường P, TP ., tỉnh Bình Dương.

Năm 2020, trong thời gian đang bùng phát dịch bệnh Covid-19, thị trường xăng nhiều lúc khan hiếm hàng và Công ty P2 không có xăng để phân phối cho các đại lý bán lẻ, Đ đã liên hệ mua xăng không có hóa đơn của Công ty H10 để duy trì hoạt động cho cửa hàng. Việc mua bán xăng giữa Công ty H10 và Doanh nghiệp tư nhân Q1, tiêu thụ ra thị trường đều không có hóa đơn, chứng từ, không được ghi chép vào sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước.

Kết quả điều tra đã xác định: Từ ngày 11/7/2020 đến ngày 21/9/2021, Nguyễn Văn Đ đã mua của Công ty H10 469.000 lít xăng Ron 95 và 340.000 lít xăng Ron 92 không có hóa đơn, chứng từ.

- Kết luận giám định số 11525/KL-CTDON ngày 30/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ, xác định:

Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước đối với Nguyễn Văn Đ là **1.302.662.727 đồng** (Một tỷ, ba trăm lẻ hai triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn, bảy trăm hai mươi bảy đồng).

2.4. Hành vi phạm tội của bị cáo Hòa Quang P:

Năm 1997, H9 Quang Phổ thành lập Doanh nghiệp tư nhân X2 ở địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, kinh doanh bán lẻ xăng, dầu, do Phổ đứng tên chủ doanh nghiệp. Nguồn xăng dầu bán lẻ, P ký hợp đồng mua của Tổng Công ty T21, địa chỉ: F đường Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến năm 2015, P ký hợp đồng mua xăng với thương nhân phân phối là Công ty TNHH MTV P2, địa chỉ: A H, phường P, TP ., tỉnh Bình Dương.

Năm 2020, trong thời gian đang bùng phát dịch bệnh Covid-19, thị trường xăng dầu khan hiếm và Công ty P2 không có xăng dầu để phân phối cho các đại lý bán lẻ nên P đã liên hệ mua xăng không có hóa đơn của Công ty H10. Việc mua bán xăng giữa Công ty H10 và Doanh nghiệp tư nhân X2, tiêu thụ ra thị trường đều không có hóa đơn, chứng từ, không được ghi chép vào sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước. Kết quả điều tra đã xác định: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 26/8/2021, Hòa Quang P đã mua của Công ty H10 142.000 lít xăng Ron 95 và 72.000 lít xăng Ron 92.

- Kết luận giám định số 11525/KL-CTDON ngày 30/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ, xác định:

Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước đối với Hòa Quang P

là **328.365.455 đồng**(Ba trăm hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi lăm đồng).

2.5. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T:

Năm 2017, Trần Văn T thành lập Doanh nghiệp tư nhân T22, ở địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông, kinh doanh bán lẻ xăng dầu, do T đứng tên làm chủ doanh nghiệp. Doanh nghiệp có 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu gồm “Cây xăng Xuân Thanh số 01” và “Cây xăng Q2”. Đến năm 2022, thay đổi loại hình doanh nghiệp, đổi tên là Công ty TNHH MTV T23.

Nguồn xăng, dầu bán lẻ, do T ký hợp đồng mua của thương nhân phân phối là Công ty TNHH MTV P2, địa chỉ: A H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Năm 2020, trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát, thị trường xăng dầu khan hiếm và Công ty P2 không có xăng dầu để phân phối cho các đại lý bán lẻ, T tìm đến mua xăng không có hóa đơn của Công ty H10. Việc mua bán xăng giữa Công ty H10 và Doanh nghiệp tư nhân T22, tiêu thụ ra thị trường đều không có hóa đơn, chứng từ, không được ghi chép vào sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước,

Kết quả điều tra xác định: Từ ngày 24/01/2021 đến ngày 30/8/2021, Trần Văn T đã mua của Công ty TNHH H10 tổng cộng 124.000 lít xăng (88.000 lít xăng Ron 95 và 36.000 lít xăng Ron 92).

- Kết luận giám định số 11525/KL-CTDON ngày 30/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ, xác định:

Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước đối với Trần Văn T là **217.056.364 đồng**(Hai trăm mười bảy triệu, không trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi bốn triệu).

2.6. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Trịnh C2.

Công ty TNHH X3, địa chỉ thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk kinh doanh xăng dầu do ông Trần Văn H5, sinh năm 1970, đứng tên đại diện theo pháp luật. Từ khi thành lập đến năm 2017, ông H5 cùng với vợ là bà Trịnh Thị T8, sinh năm 1971 điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài kinh doanh xăng dầu, Công ty X3 còn kinh doanh vận tải, nhận chở thuê mật rỉ từ khu vực tỉnh Đắk Lắk đi giao tại các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai. Đồng thời Công ty X3 ký hợp đồng mua xăng của Công ty H10, vận chuyển về Công ty X3 phục vụ bán lẻ.

Năm 2017, ông H5 và bà T8 giao lại cho Trần Trịnh C2, sinh năm 1994 (là con ruột của ông H5 và bà T8) quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH X3. Quá trình mua xăng của Công ty H10, C2 được Lê Thị Thùy L6 giới thiệu mua xăng không có hóa đơn với giá rẻ hơn giá thị trường, C2 đồng ý. Khi các phương tiện của Công ty X3 gồm: Các xe ô tô đầu kéo biển số 47C-127.70; 47C-096.68; 47C-164.01; 47C-224.28; 47C-256.25, các sơ mi rơ moóc xi téc biển số 47R-002.06; 47R-004.12; 47R-003.95; 47R-003.15 vận chuyển mật rỉ

đi giao tại tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, C2 gọi điện cho Lê Thị Thùy L6 đặt mua đầy 01 xe xăng (số lượng theo dung tích của từng phương tiện), C2 báo cho lái xe điều khiển phương tiện, xúc rửa bồn chứa, sau đó đến Công ty H10 để nhận xăng chở về.

Căn cứ kết quả thống kê số liệu ghi chép trên các phiếu báo xuất, nhập, tồn thu được tại nhà Lê Thị Thùy L6, kết quả xác minh phương tiện vào kho H nhận xăng và kết quả làm việc với Lê Thị Thùy L6, Trần Trịnh C2 xác định: Từ ngày 07/7/2020 đến ngày 31/8/2021, Trần Trịnh C2 đã mua của Công ty H10 số lượng 1.296.000 lít xăng Ron 95-III không có hóa đơn, chứng từ để bán lẻ tại các cây xăng C. Việc mua bán xăng giữa Công ty H10 và Công ty TNHH X3, tiêu thụ ra thị trường đều không có hóa đơn, chứng từ, không được ghi chép vào sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước.

- Kết luận giám định số 11525/KL-CTDON ngày 30/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ, xác định:

Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước đối với Trần Trịnh C2 là **2.103.480.909 đồng** (*Hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, chín trăm lẻ chín đồng*).

2.7. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc T1.

Năm 2017, Lê Ngọc T1, tiếp nhận Doanh nghiệp tư nhân cơ sở kinh doanh dầu Diezen V (Do cha mẹ để lại) và chuyển đổi thành Công ty TNHH X4, địa chỉ: B Khu đô thị P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, do T1 làm Giám đốc.

Công ty của Lê Ngọc T1 chỉ kinh doanh bán dầu DO cho tàu cá trên biển, không mở cây xăng để bán lẻ xăng, dầu. Ngoài ra, T1 còn kinh doanh vận tải, ký hợp đồng vận chuyển mật rỉ từ các nhà máy mía đường ở Khánh Hòa giao cho Công ty B2 ở huyện L, tỉnh Đồng Nai. Các phương tiện vận chuyển của T1 gồm có: Xe ô tô đầu kéo biển số: 79C-124.64, sơmi rơ móc biển số: 79R - 005.67 (*dung tích bồn chứa 43.000 lít*), xe ô tô xi téc chở xăng dầu biển số: 79C - 053.44 (*dung tích bồn chứa 21.000 lít*) và xe ô tô xi téc chở xăng dầu biển số 79C - 052.49 (*dung tích bồn chứa 21.000 lít*).

Khoảng năm 2018 sau khi giao mật rỉ cho Công ty B2 ở Đồng Nai, T1 liên hệ với Công ty H10 để mua xăng không có hóa đơn chứng từ bán lại kiếm lời. T1 gọi điện cho Lê Thị Thùy L6 đặt mua đầy 01 xe xăng (*số lượng theo dung tích của từng xe*), T1 báo cho tài xế điều khiển phương tiện, xúc rửa bồn chứa, sau đó đến Công ty H10 để nhận xăng chở về tỉnh Khánh Hòa. T1 đi dọc tuyến quốc lộ A đoạn đi qua các tỉnh từ Bình Thuận đến Khánh Hòa chào mời các cây xăng mua xăng của T1 với giá rẻ hơn thị trường. Việc mua bán xăng giữa Công ty H10 và Công ty TNHH X4, tiêu thụ ra thị trường đều không có hóa đơn, chứng từ, không được ghi chép vào sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước.

Căn cứ kết quả thống kê số liệu ghi chép trên các phiếu báo xuất, nhập, tồn thu được tại nhà Lê Thị Thùy L6, kết quả xác minh phương tiện vào kho H nhận xăng và kết quả làm việc với Lê Thị Thùy L6, Lê Ngọc T1 có đủ căn cứ xác định

xác định: Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 22/9/2021, Lê Ngọc T1 đã mua của Công ty H10 tổng cộng 1.764.000 lít xăng R1 không có hóa đơn để bán lại cho các cây xăng khác (*không xác định được tên và địa chỉ*).

- Kết luận giám định số 11525/KL-CTDON ngày 30/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Đ, xác định:

Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp ngân sách Nhà nước đối với Lê Ngọc T1 là **2.726.988.182 đồng** (*Hai tỷ, bảy trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng*).

3. Về thu giữ vật chứng, đồ vật, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của các bị cáo.

3.1. 04 Tầu thủy kèm theo giấy tờ liên quan gồm:

- T20 01 có số đăng ký SG-OIL-001986-2;
- Tầu H 02 có số đăng ký SG-OIL-002162-2;
- Tầu Hà Anh 05, số đăng ký BV 3789 và tầu Hà Anh 09 số đăng ký SG-OIL-001987-2 do Công ty TNHH Đ5 đứng tên chủ sở hữu theo Lệnh kê biên số 41/LKB-CSĐT ngày 29/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra tài sản kê biên giao cho Nguyễn Đức K1 quản lý.

3.2. Đồ vật Cơ quan điều tra hiện đang tạm giữ gồm:

- 01 điện thoại di động iphone 11 của Lê Thị Thùy L6;
- 01 ipad của Trần Hoàng D4;
- 01 CPU máy tính để bàn của Nguyễn Cao Ngọc T17.

3.3. Tiền và tài khoản bị phong tỏa:

- Số tiền 22.350.209.091 đồng (*hai mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi triệu, hai trăm lẻ chín nghìn, không trăm chín một đồng*) tại Kho bạc Nhà nước Đ7, qua tài khoản số 39490904482300000 của Phòng CSĐT TP về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Đ. Trong đó, số tiền 1.274.300.000 đồng thu giữ trong quá trình khám xét, số tiền 21.075.909.091 đồng do bị cáo và gia đình các bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả, cụ thể:

- Mai Thị D1 số tiền 3.394.109.091 đồng, trong đó 1.274.300.000 đồng là tiền thu giữ trong quá trình khám xét và 2.119.809.091 đồng tiền bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

- Nguyễn Đức C số tiền 10.000.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

- Nguyễn Đức D số tiền 3.000.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

- Nguyễn Văn Đ số tiền 242.700.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

- Hòa Quang P số tiền 64.200.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

- Nguyễn Thăng L số tiền 5.000.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

- Trần Văn T số tiền 37.200.000 đồng bị can tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

- Trần Trịnh C2 số tiền 259.200.000 đồng bị can tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

- Lê Ngọc T1 số tiền 352.800.000 đồng bị can tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

Cơ quan điều tra đã phong tỏa 01 tài khoản số 76010000542539, Ngân hàng TMCP Đ8 - Chi nhánh B3, chủ tài khoản Nguyễn Minh T18, số tiền là 1.370.649.323 đồng.

Đối với các đồ vật, tài sản, tài liệu khác thu giữ của các bị cáo trong vụ án. Quá trình điều tra đã làm rõ các đồ vật, tài sản và tài liệu này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị cáo quản lý, sử dụng.

4. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

Ngày 28/04/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 14/2023/HSST-QĐ về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra làm rõ hành vi, xem xét trách nhiệm hình sự của các bị can trong vụ án và thay đổi tội danh các bị can từ tội “Trốn thuế” quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự sang tội “Buôn lậu” quy định tại Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Ngày 27/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 2649/VKS-P3 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố các bị can Nguyễn Đức D cùng đồng phạm với lý do: Quá trình điều tra không có căn cứ xác định các tàu Hà Anh mua trái phép xăng dầu bên ngoài biên giới biển Việt Nam, không chứng minh được dấu hiệu đặc trưng “Yếu tố qua biên giới” của tội “Buôn lậu” trong hành vi phạm tội của các bị can. Do đó, không đủ căn cứ kết luận, xử lý các bị can về tội “Buôn lậu” quy định tại Điều 188 Bộ luật Hình sự. Chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

1. Căn cứ khoản 3 và 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức D 24** (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam thi hành án, được trừ đi thời hạn bị cáo đã bị tạm giam trước từ ngày (22/10/2021 đến ngày 04/11/2022).

2. Căn cứ khoản 3 và 4 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức C 16** (mười sáu) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam thi hành án, được trừ đi thời hạn bị cáo đã bị tạm giam trước từ ngày (22/10/2021 đến ngày 04/11/2022).

3. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Mai Thị D1 1.000.000.000đ (một tỷ đồng)** về tội “Trốn thuế”.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 200; điểm b, s, t, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thăng Long 10** (mười) tháng về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 100.000.000đ (một trăm triệu).

5. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 200; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C1: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng)** về tội “Trốn thuế”.

6. Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 12** (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 100.000.000đ (một trăm triệu).

7. Căn cứ khoản 2 Điều 200; điểm b, s, x, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Hòa Quang P: 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng)** về tội “Trốn thuế”.

8. Căn cứ khoản 2 Điều 200; điểm b, s, x, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng)** về tội “Trốn thuế”.

9. Căn cứ khoản 3 và 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Trần Trịnh C2 14** (mười bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 100.000.000đ (một trăm triệu).

10. Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc T1 14** (mười bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 100.000.000đ (một trăm triệu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp ngăn chặn, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2024, bị cáo Nguyễn Thăng L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/4/2024, bị cáo Trần Trịnh C2 và bị cáo Lê Ngọc T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền và cho hưởng án treo.

Ngày 10/4/2024, bị cáo Nguyễn Đức D và bị cáo Nguyễn Đức C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền và cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 09/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có kháng nghị một phần bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng: Tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thăng L9; Tăng hình phạt tiền đối với bị cáo Mai Thị D1; Chuyển hình phạt tiền sang hình phạt tù đối với các bị cáo Hòa Quang P, Nguyễn Văn C1, Trần Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi và phản hỏi:

1.1. Bị cáo Nguyễn Đức C trình bày: Bị cáo đồng ý về tội danh, tuy nhiên mức án mà tòa sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là quá cao. Bản thân bị cáo xin được giảm nhẹ để trở về tiếp tục điều hành công ty đóng góp cho xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế nhà nước.

1.2. Các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Thăng L, Nguyễn Văn Đ, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1 trình bày: Các bị cáo đồng ý về tội danh, không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát. Các bị cáo có các tình tiết mới và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

1.3. Các bị cáo Mai Thị D1, Hòa Quang P, Trần Văn T trình bày: Bản án cấp sơ thẩm tuyên là đã phù hợp nên không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Phần tranh luận:

2.1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

2.1.1. Về việc chấp hành pháp luật của HĐXX, thư ký và những người tham

gia tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đúng quy định, nên cần xem xét theo quy định pháp luật.

2.1.2. Về nội dung:

- Rút kháng nghị đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Lê Ngọc T1, Nguyễn Văn Đ, Hòa Quang P, Trần Văn T, Trần Trịnh C2 và đối phần biện pháp tư pháp là tịch thu các tàu mang tên H, H, H, H.

- Giữ nguyên quan điểm kháng nghị tăng hình phạt và đề nghị HĐXX xử các bị cáo:

+ Phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thăng L từ 11 đến 13 tháng tù.

+ Phạt tiền đối với bị cáo Mai Thị D1 từ 1.3 đến 02 tỷ đồng.

+ Chuyển từ hình phạt tiền sang hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Văn C1 và xử phạt bị cáo C1 từ 08 đến 10 tháng tù.

- Đối với các bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Đức C: Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo và giảm cho bị cáo bằng số ngày giam còn lại mà bị cáo phải chịu trong bản án sơ thẩm (03 tháng 17 ngày).

+ Đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1, Nguyễn Văn Đ: Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ theo quy định pháp luật.

2.2. Tranh luận của các bị cáo và người bào chữa:

2.2.1. Luật sư Đặng Kim C5 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ trình bày: Tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo đã nộp thêm số tiền 742.662.727 đ (Bao gồm 642.62.727đ khắc phục hậu quả và 100 triệu tiền phạt bổ sung). Tổng cộng bị cáo đã nộp đủ số tiền trốn thuế 1.302.662.727 đồng (một tỷ, ba trăm lẻ hai triệu, sáu trăm sáu hai nghìn, bảy trăm hai bảy đồng), tiền thu lợi bất chính là 242.700.000đ (hai trăm bốn hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) và 100 triệu tiền phạt bổ sung. Ngoài ra, bị cáo nộp thêm một số giấy khen của chính quyền địa phương trong công tác xã hội, thiện nguyện. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng và đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

2.2.2. Luật sư Đào Quang D3 bào chữa cho bị cáo Trần Trịnh C2 trình bày: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cụ thể: Bị cáo phạm tội lần đầu, ít nghiêm

trọng; bị cáo đã tự chủ động nộp số tiền 100.200.000đ theo phán quyết của bản án sơ thẩm; bị cáo có giấy xác nhận của chính quyền về nhân thân có nơi ở ổn định; gia đình bị cáo có công cách mạng; công ty của bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi con nhỏ, bản thân bị cáo bị tai nạn nên tình hình sức khỏe của bị cáo bị suy giảm; bị cáo có nộp sổ tiết kiệm để đảm bảo thi hành hình phạt tiền nếu được chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét.

2.2.3. Luật sư Nguyễn Văn H2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C1 trình bày: Bị cáo P và bị cáo T đều thực hiện hành vi như bị cáo C1, nhưng đại diện Viện kiểm sát chỉ rút kháng nghị đối với bị cáo P và T nhưng vẫn đề nghị chuyển hình phạt tiền sang tù có thời hạn đối với bị cáo C1 là chưa công bằng. Việc bị cáo đang bị xử lý trong vụ án khác, không liên quan đến vụ án này. Đồng thời, bị cáo đã ăn năn hối cải đã có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên phán quyết của Bản án sơ thẩm là đã phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo C1 có tình tiết mới: Bị cáo đã nộp thêm số tiền 71.664.440đ số tiền thu lợi bất chính và bị cáo có nhiều giấy khen của chính quyền địa phương trong công tác hoạt động xã hội, thiện nguyện của mình. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét bác kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.2.4. Luật sư Đinh Thị T3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thăng L trình bày: Bị cáo chỉ là người nhập mua xăng trong thời gian 05 tháng với thiệt hại hơn 900 triệu đồng. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng. Hành vi “Buôn lậu” của bị cáo đã bị xử lý bằng một vụ án khác rồi. Bị cáo đã ăn năn hối cải, đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tiền thay thế hình phạt tù đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết mới: Bị cáo có thêm giấy khen công tác xã hội, hoạt động thiện nguyện; hiện nay bị cáo đã cao tuổi, nhiều bệnh nền; hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo cũng đã tích cực tham gia giúp Công an điều tra phát hiện tội phạm là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị HĐXX bác kháng nghị, chấp nhận kháng cáo và chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền đối với bị cáo L.

2.2.5. Luật sư Nguyễn Văn N1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thăng L trình bày bổ sung: Về mặt tội danh thì đồng ý với bản án sơ thẩm, tuy nhiên cần xem xét đến tình tiết, vụ án này được đưa ra điều tra xét xử là do bị cáo L đã khai ra, từ đó cơ quan điều tra mới biết và điều tra vụ án này, bị cáo cần được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Tự thú” quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

2.2.6. Luật sư Đặng Thành T2 bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1:

- Đối với bị cáo Nguyễn Đức C: Đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ và tuyên phạt bị cáo mức án bằng với thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đức D: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết

giảm nhẹ là T19 cảm ơn của Ủy ban nhân dân về công tác xã hội, thiện nguyện là tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Mai Thị D1: Ngoài khoản tiền bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên, bà D1 đã tự nguyện bỏ tiền của mình ra để khắc phục cho các bị cáo khác. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc cần tăng hình phạt tiền đối với bị cáo D1 là chưa xem xét đến vấn đề này. Nên đề nghị HĐXX giữ nguyên mức án của bị cáo Mai Thị D1.

2.2.7. Bị cáo Lê Ngọc T1 trình bày: Bị cáo hiện đang nuôi con trai bị ung thư giai đoạn cuối, bị cáo còn phải nuôi đứa em gái bị thiểu năng từ bé; bị cáo đã thực hiện toàn bộ việc khắc phục hậu quả; bị cáo có nhiều giấy khen trong công tác xã hội, thiện nguyện của mình; bản thân bị cáo cũng có nhiều bệnh nền nhưng vẫn cố gắng điều hành 03 Công ty tạo điều kiện công ăn việc làm cho người lao động và kinh tế xã hội. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận hình phạt tiền cho bị cáo.

2.2.8. Các bị cáo còn lại không tranh luận lại với quan điểm đại diện Viện kiểm sát.

3. Phần bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Lê Ngọc T1: Bị cáo đã ăn năn hối cải, kính mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Thăng L: Bị cáo đã biết lỗi của mình, kính mong HĐXX chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền đối với bị cáo

- Bị cáo Trần Trình C8: Bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục hậu quả mà mình gây ra, kính mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt và xử phạt tiền đối với bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Đức C: Bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ kính mong HĐXX xem xét cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Đức D: Bị cáo biết lỗi của mình, bị cáo kính mong HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì một phần lỗi là do chính bản thân bị cáo mà ra.

- Bị cáo Mai Thị D1: Bị cáo là người đại diện pháp luật, đứng đầu công ty, bị cáo đã biết lỗi của mình, kính mong HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thăng L, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1 thực hiện việc kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện việc kháng nghị theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa – luật sư Lương Thị Bích D6 và luật sư Nguyễn Thị Huyền T6 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Lê Ngọc T1, Nguyễn Văn Đ, Hòa Quang P, Trần Văn T, Trần Trịnh C2 và đối phần biện pháp tư pháp là tịch thu các tàu mang tên Hà A1 01, 02, 05, 09. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần kháng nghị này.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[2.1] Từ ngày 07/7/2020 đến ngày 08/10/2021, Nguyễn Đức D (là cháu ruột của C) cùng với Mai Thị D1 (Giám đốc Công ty H10 ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) và chồng là Nguyễn Đức C đã sử dụng các tàu Hà Anh 01, V96, H, H, H 09 của Công ty Đ5 (do Nguyễn Đức C và Nguyễn Đức D đứng tên chủ sở hữu) cùng các thuyền trưởng, đại phó, máy trưởng, thủy thủ ra ngoài khơi thuộc khu vực phao số 0 trong vùng biển Vũng Tàu mua 7.426.500 lít xăng và 2.158.000 lít dầu không có hóa đơn chứng từ nhập về kho của Công ty H10. Sau đó Mai Thị D1 đã chỉ đạo cho Lê Thị Thùy L6 là kế toán Công ty H10 xuất bán số lượng xăng, dầu trên cho các bị cáo Nguyễn Thăng L, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Đ, Hòa Quang P, Trần Văn T, Trần Trịnh C2 và Lê Ngọc T1 không xuất hóa đơn chứng từ để trốn thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền là 15.119.809.091 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Thăng L, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Đ, Hòa Quang P, Trần Văn T, Trần Trịnh C2 và Lê Ngọc T1 đều là chủ các Công ty và chủ các doanh nghiệp đã thực hiện hành vi mua xăng dầu không có hóa đơn chứng từ để tiêu thụ ra thị trường, gây thất thoát thuế giá trị gia tăng là 7.849.864.446 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trốn thuế” quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán xăng dầu không có hóa đơn chứng từ để tiêu thụ ra thị trường, gây thất thoát thuế giá trị gia tăng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích trốn thuế để thu lợi bất chính các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm đã xâm phạm đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể là hoạt động thu ngân sách Nhà nước dẫn đến thất thu ngân sách, gây thiệt hại tiền thuế cho Nhà nước, xâm

phạm đến trật tự quản lý kinh tế và quản lý thu thuế cho Nhà nước.

[2.2] Với hành vi nêu tại mục [2.1], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức C, Mai Thị D1, Nguyễn Thăng L, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Đ, Hòa Quang P, Trần Văn T, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1 phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Đ, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1:

[3.1] Về hành vi của các bị cáo:

[3.1.1] Bị cáo Nguyễn Đức D: Là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người trực tiếp liên lạc, hẹn các đối tượng (*chưa rõ lai lịch*) sử dụng các tàu nhỏ chở xăng dầu lậu từ ngoài biển đến bến cảng H để bán cho bị cáo. Sau khi mua xong, bị cáo cho bơm vào kho xăng dầu của Công ty H10 rồi đến gặp Mai Thị D1 nhận lại tiền mua xăng dầu với giá cao hơn giá đã thu mua từ 200 đồng đến 300 đồng mỗi lít. Sau đó, các bị cáo Mai Thị D1 và Nguyễn Đức C chỉ đạo Lê Thị Thùy L6, nhân viên kinh doanh của Công ty H10 xuất bán xăng cho các đầu mối có nhu cầu mua xăng giá rẻ để bán lẻ, xuất bán dầu cho các ghe tàu đánh cá không xuất hóa đơn, chứng từ cho khách mua hàng, không thể hiện trên sổ sách kế toán của Công ty theo quy định pháp luật.

Bản thân bị cáo Nguyễn Đức D không phải là chủ thể được phép kinh doanh xăng, dầu, nhưng sau khi được Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 đồng ý, Nguyễn Đức D đã điều động các tàu biển của Công ty Đ5 đi làm vào ban đêm, các thuyền trưởng, đại phó, thuyền viên các tàu tự biết được công việc là cho tàu lên lút rời cảng, đi ra khu vực biển ngoài phao số 0 biển Vũng Tàu, cập mạn với tàu lớn, không rõ lai lịch để nhận xăng, dầu bất hợp pháp đưa về kho xăng dầu của Công ty H10 7.426.500 lít xăng và 2.158.000 lít dầu. Sau đó, Mai Thị D1 chỉ đạo Lê Thị Thùy L6 xuất bán hết số xăng, dầu nêu trên, không xuất hóa đơn, chứng từ khi bán hàng, không thể hiện trên sổ sách kế toán, không nộp thuế cho Nhà nước với số tiền 15.119.809.091 đồng (*Mười lăm tỷ, một trăm mười chín triệu, tám trăm chín ngàn, không trăm chín một đồng*).

[3.1.2] Bị cáo Nguyễn Văn Đ: Từ ngày 11/7/2020 đến ngày 21/9/2021, Nguyễn Văn Đ đã mua của Công ty H10 469.000 lít xăng Ron 95 và 340.000 lít xăng Ron 92 không có hóa đơn để bán lẻ. Nguyễn Văn Đ đã trốn thuế trốn thuế giá trị gia tăng là 1.302.662.727 đồng.

[3.1.3] Bị cáo Trần Trịnh C2: Từ ngày 07/7/2020 đến ngày 31/8/2021, Trần Trịnh C2 đã mua của Công ty H10 1.296.000 lít xăng Ron 95-III không có hóa đơn, chứng từ để bán lẻ tại các cây xăng C. Trần Trịnh C2 đã trốn thuế giá trị gia tăng là 2.103.480.909 đồng.

[3.1.4] Bị cáo Lê Ngọc T1: Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 22/9/2021, Lê Ngọc T1 đã mua của Công ty H10 1.764.000 lít xăng R1 không có hóa đơn để bán lại cho các cây xăng khác (*không xác định được tên và địa chỉ*). Lê Ngọc T1 đã trốn

thuế giá trị gia tăng là 2.726.988.182 đồng.

[3.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là:

[3.2.1] Bị cáo Nguyễn Đức D: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, đồng thời bị cáo còn nộp thay cho các bị cáo khác trong vụ án; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có cha là ông Nguyễn Đức L1 là bệnh binh $\frac{3}{4}$, có thời gian tham gia quân tình nguyện tại Campuchia được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương hượng chế độ bệnh binh 61%; hoàn cảnh gia đình của bị cáo đang rất khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính và duy nhất trong gia đình, vợ bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định phải ở nhà chăm sóc con út là cháu Nguyễn Lê Tuệ N5 đang bị bệnh. Ngoài ra, bị cáo còn phải chăm sóc cha mẹ già yếu, bệnh tật là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó xử phạt bị cáo 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế” là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

[3.2.2] Bị cáo Nguyễn Văn Đ: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; tích cực hợp tác với cơ quan Nhà nước trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi một người con bị khuyết tật; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tặng Bằng trong quá trình sản và đóng góp trong phong trào phát triển của tỉnh là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó xử phạt bị cáo Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế” là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

[3.2.3] Bị cáo Trần Trịnh C2: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; tích cực hợp tác với cơ quan Nhà nước trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được Ủy ban nhân dân huyện tặng bằng khen trong quá trình đóng góp cho huyện là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó xử phạt bị cáo C2 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế” là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

[3.2.4] Bị cáo Lê Ngọc T1: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; tích cực hợp tác với cơ quan Nhà nước trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo có hoàn cảnh gia đình

khó khăn, là lao động chính trong gia đình đang phải nuôi con nhỏ mắc bệnh hiểm nghèo; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó xử phạt bị cáo T1 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế” là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

[3.3] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Đ, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1 có xuất trình thêm một số tình tiết mới. Nhưng các tình tiết này không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện. Nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa, nhất là trong tình hình tội phạm về kinh tế đang gia tăng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Đ, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1; không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Đ, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức C:

[4.1] Về hành vi của bị cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H10 (gọi tắt là Công ty H10) gồm 02 thành viên góp vốn, Nguyễn Đức C góp 40% vốn điều lệ và Mai Thị D1 (vợ bị cáo C) góp 60% vốn điều lệ đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty và là người đại diện pháp luật của Công ty; Trong quá trình Nguyễn Đức D thực hiện việc mua bán xăng dầu không có hóa đơn và mua với số lượng lớn Nguyễn Đức D báo lại với C và được C đồng ý cho Nguyễn Đức D sử dụng các tàu biển, thuyền trưởng, thuyền viên của Công ty Đ5 (gọi tắt Công ty Đ5) đi ra biển mua xăng, dầu không có hóa đơn. Trong mỗi lần Nguyễn Đức D mua xăng dầu về không có hóa đơn xác định số lượng và chủng loại, quản lý kho xăng dầu nhận bàn giao số lượng tại tàu. Sau đó, lấy mẫu kiểm tra, xác định chủng loại (chủ yếu là kiểm tra độ Ron của xăng) và báo lại kết quả cho Nguyễn Đức C biết, khi nào C chỉ đạo bơm vào kho thì quản lý kho phối hợp thuyền viên trên tàu bơm xăng dầu vào kho. Quản lý kho ghi nhận lại số lượng, chủng loại xăng dầu và tên tàu chở về vào bảng kê xuất, nhập xăng dầu, đến khi bàn giao ca, quản lý kho gửi về cho Lê Thị Thùy L6 theo dõi và Mai Thị D1 chỉ đạo cho Lê Thị Thùy L6 tìm mỗi tiêu thụ. Đến tháng 7/2021, bị cáo Nguyễn Đức C yêu cầu L6 thống kê số lượng nhập, xuất xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ để báo riêng cho bị cáo theo dõi. Đối với tiền lời từ việc kinh doanh xăng, dầu không có hóa đơn, chứng từ, C sử dụng một phần vào mục đích cá nhân.

Căn cứ tài liệu thu thập được, đủ chứng cứ chứng minh. Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 08/10/2021, với số lượng xăng dầu do bị cáo Nguyễn Đức D mua không có hoá đơn nhập vào kho Hà L10 là 7.426.500 lít xăng và 2.158.000 lít dầu được Lê Thị Thùy L6 chào mời, bán lại toàn bộ số lượng xăng, dầu trên cho Nguyễn Thăng L, Nguyễn Văn C1, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1 và một số khách hàng

khác, không xuất hóa đơn, chứng từ, không thể hiện trên sổ sách kế toán với mục đích trốn thuế giá trị gia tăng là 15.119.809.091 đồng (Mười lăm tỷ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng)

[4.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Nguyễn Đức C không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, đồng thời bị cáo còn nộp thay cho các bị cáo khác trong vụ án; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có anh trai là ông Nguyễn Đức L1 là bệnh binh $\frac{3}{4}$, có thời gian tham gia quân tình nguyện tại Campuchia được Nhà nước thưởng nhiều huân chương hưởng chế độ bệnh binh 61%; bản thân bị cáo lớn tuổi và nhiều bệnh nền, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình điều hành Công ty, bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tặng Bằng khen năm 2008; Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh B tặng Giấy năm 2016; Ban Chấp hành Hội đồng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tặng Giấy khen năm 2017, 2018; Ban Chấp hành Hội đồng Giao thông vận tải Việt Nam tặng Giấy năm 2011 là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó xử phạt bị cáo C 16 (Mười sáu) tháng tù về tội “Trốn thuế” là có cơ sở.

[4.3] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày: Bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo là người cao tuổi có nhiều bệnh nền cần phải điều trị thường xuyên; bị cáo có vợ cùng bị truy tố, xét xử trong vụ án này; bị cáo cùng vợ bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại về vật chất (số tiền trốn thuế) trong vụ án; bị cáo đã chấp hành $\frac{3}{4}$ hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên; bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để trở về tiếp tục điều hành công ty đóng góp cho xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế nước nhà. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức C, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giảm một phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Đức C.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thăng L và kháng nghị tăng hình phạt tù của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

[5.1] Về hành vi của bị cáo: Bị cáo là Giám đốc Công ty TNHH X, địa chỉ: B ấp T, xã B, huyện T, Đồng Nai. Trong thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 11/2020, Nguyễn Thăng L đã mua 692.000 lít xăng Ron 95 không có hóa đơn chứng từ của Công ty TNHH H10 và bán ra thị trường. Nguyễn Thăng L đã trốn thuế giá trị gia tăng là 940.778.182 đồng.

[5.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Nguyễn Thăng L không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; tích cực hợp tác với cơ quan Nhà nước trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo ra đầu thú; là lao động chính

trong gia đình; nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, i, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó xử phạt bị cáo L 10 (M) tháng tù về tội “Trốn thuế” là có phần nhẹ, chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

[5.3] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thăng L xuất trình thêm các tình tiết mới: Bị cáo có thêm giấy khen công tác xã hội, hoạt động thiện nguyện; hiện nay bị cáo đã cao tuổi, nhiều bệnh nền; hoàn cảnh gia đình khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nhưng những tình tiết này không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thăng L, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thăng L để phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với các bị cáo Mai Thị D1, Nguyễn Văn C1:

[6.1] Về hành vi của các bị cáo:

[6.1.2] Bị cáo Mai Thị D1: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H10 (gọi tắt là Công ty H10) gồm 02 thành viên góp vốn, Nguyễn Đức C góp 40% vốn điều lệ và Mai Thị D1 (vợ bị cáo C) góp 60% vốn điều lệ đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty và là người đại diện pháp luật của Công ty; Trong quá trình Nguyễn Đức D thực hiện việc mua bán xăng dầu không có hóa đơn và mua với số lượng lớn Nguyễn Đức D báo lại với Nguyễn Đức C và Mai Thị D1 biết, khi nào C chỉ đạo bơm vào kho thì quản lý kho phối hợp thuyền viên trên tàu bơm xăng dầu vào kho. Quản lý kho ghi nhận lại số lượng, chủng loại xăng dầu và tên tàu chở về vào bảng kê xuất, nhập xăng dầu, đến khi bàn giao ca, quản lý kho gửi về cho Lê Thị Thùy L6 theo dõi và Mai Thị D1 chỉ đạo cho Lê Thị Thùy L6 tìm mối tiêu thụ.

Căn cứ tài liệu thu thập được, đủ chứng cứ chứng minh. Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 08/10/2021, với số lượng xăng dầu do bị cáo Nguyễn Đức D mua không có hóa đơn nhập vào kho Hà L10 là 7.426.500 lít xăng và 2.158.000 lít dầu được Lê Thị Thùy L6 chào mời, bán lại toàn bộ số lượng xăng, dầu trên cho Nguyễn Thăng L, Nguyễn Văn C1, Trần Trinh C2, Lê Ngọc T1 và một số khách hàng khác, không xuất hóa đơn, chứng từ, không thể hiện trên sổ sách kế toán với mục đích trốn thuế giá trị gia tăng là 15.119.809.091 đồng (Mười lăm tỷ, một trăm mười chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín một đồng)

[6.1.3] Bị cáo Nguyễn Văn C1: Từ ngày 22/7/2020 đến ngày 23/9/2021, Nguyễn Văn C1 đã mua của Công ty H10 122.000 lít xăng Ron 95 và 32.000 lít xăng Ron 92 không có hóa đơn để bán lẻ ra thị trường. Nguyễn Văn C1 đã trốn

thuế thuế giá trị gia tăng là 230.532.727 đồng.

[6.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo Mai Thị D1, Nguyễn Văn C1 không có tình tiết tăng nặng và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là:

[6.2.1] Bị cáo Mai Thị D1: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, đồng thời bị cáo còn nộp thay cho các bị cáo khác trong vụ án; bản thân bị cáo lớn tuổi và nhiều bệnh nền, nhân thân tốt, có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình điều hành Công bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tặng Bằng năm 2008; Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh B tặng Giấy năm 2016; Ban Chấp hành động tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tặng Giấy năm 2017, 2018; Ban Chấp hành Công Giao thông vận tải Việt Nam tặng Giấy năm 2011 là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó xử phạt bị cáo Mai Thị D1 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) về tội “Trốn thuế” là có phần nhẹ, chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

[6.2.2] Bị cáo Nguyễn Văn C1: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; tích cực hợp tác với cơ quan Nhà nước trong quá trình giải quyết vụ án; gia đình có công với cách mạng, em trai bị cáo là liệt sỹ; bị cáo là lao động chính trong gia đình; có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân đang bị bệnh tim do thiếu máu cục bộ, tiểu đường tuýp 3 là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó xử phạt bị cáo Công 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) về tội “Trốn thuế” là có phần nhẹ, chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

[6.3] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa, bị cáo Mai Thị D1 không cung cấp tình tiết mới; bị cáo Nguyễn Văn C1 xuất trình thêm tình tiết mới là bị cáo đã nộp số tiền 71.664.440đ thu lợi bất chính, nhưng tình tiết này không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện. Do đó, như đã nhận định tại mục [6.2], Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Mai Thị D1, Nguyễn Văn C1.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thăng L, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1 phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1.1. Đình chỉ xét xử đối với Quyết định kháng nghị số 1650/QĐ-VKS-P3 ngày 09/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Lê Ngọc T1, Nguyễn Văn Đ, Hòa Quang P, Trần Văn T, Trần Trịnh C2 và đối phần biện pháp tư pháp là tịch thu các tàu mang tên H, H, H, H.

1.2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thăng L, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức C.

1.3. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 1650/QĐ-VKS-P3 ngày 09/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với phần hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thăng L, Mai Thị D1, Nguyễn Văn C1.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2.1. Căn cứ khoản 3 và 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ đi thời hạn bị cáo đã bị tạm giam trước từ ngày (22/10/2021 đến ngày 04/11/2022).

2.2. Căn cứ khoản 3 và 4 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 12 tháng 13 ngày tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ đi thời hạn bị cáo đã bị tạm giam trước từ ngày (22/10/2021 đến ngày 04/11/2022). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

2.3. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Mai Thị D1 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) về tội “Trốn thuế”.

2.4. Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 200; điểm b, s, t, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thăng L 11 (mười một) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 100.000.000đ (một trăm triệu).

2.5. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 200; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 08 (tám) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.6. Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 100.000.000đ (một trăm triệu).

2.7. Căn cứ khoản 2 Điều 200; điểm b, s, x, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hòa Quang P: 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) về tội “Trốn thuế”.

2.8. Căn cứ khoản 2 Điều 200; điểm b, s, x, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn T: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) về tội “Trốn thuế”.

2.9. Căn cứ khoản 3 và 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Trịnh C2 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 100.000.000đ (một trăm triệu).

2.10. Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T1 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 100.000.000đ (một trăm triệu).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thăng L, Trần Trịnh C2, Lê Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Minh Thịnh

Cao Văn Tám

Vũ Đức Toàn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (11)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Trại tạm giam tỉnh Đồng Nai; (2)
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo tại ngoại; (9)
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai; 1)
- Lưu: VP, HS (ĐTM) (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn